TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 451/2018/QĐST-HNGĐ	*Ba Đình, Ngày 19 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 569/2018/TLST-VHNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 giữa:

Người yêu cầu:

- Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1985;

- Anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1982;

Cùng ĐKHKTT: 403c2, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Cùng nơi ở: 10-173/114 phố H, phường N, quận B, thành phố Hà Nội.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 10 năm 2018.

XÉT THẤY:

Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Đức Q kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 01 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh T (Giấy chứng nhận kết hôn số 13, quyển số 01), đây là hôn nhân hợp pháp.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị **Nguyễn Thị M** và anh **Nguyễn Đức Q**

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. **Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Đức Q** thống nhất thuận tình ly hôn.

2. **Về con chung**: Chị M, anh Q có 01 con chung là **Nguyễn Bảo M,** sinh ngày 22 tháng 03 năm 2011. Anh, chị thống nhất cháu Nguyễn Bảo M do chị Nguyễn Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Đức Q có trách nhiệm đóng góp tiền nuôi con chung là 1.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 11 năm 2018 cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh Nguyễn Đức Q có quyền đi lại, thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. **Về tài sản chung và nhà ở:** Chị M, anh Q tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết nên Toà án không xem xét.

4. **Về các khoản vay nợ:** Chị M, anh Q không nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà án không xem xét. Nợ riêng của ai thì người đó tự trả.

5. **Về lệ phí ly hôn**: Anh Nguyễn Đức Q tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân gia đình. Xác nhận anh Nguyễn Đức Q đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008130 ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Chi cục THA dân sự quận B;
-UBND xã P, huyện Đ, tỉnh T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã Ký)

Nguyễn Hoài Phương